

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST- HNGĐ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Mạnh H1, sinh năm 1971; Vắng mặt lần hai

Đều ở địa chỉ: Khu 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Mạnh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn N, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Anh H1 có tính gia trưởng, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H1 không thay đổi. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh H1.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H1 có hai con chung là Đặng Hoài L, sinh ngày 28/11/1997 và Đặng Minh C, sinh ngày 11/5/2004. Sau khi ly hôn, do con chung là Đặng Hoài L đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết và chị đề nghị giao con chung là Đặng Minh C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Đặng Mạnh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Đặng Mạnh H1: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H1 đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương thị trấn Ninh Giang cung cấp: Chị H và anh H1 kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 19/9/1997, quá trình chung sống chị H và anh H1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách không hợp nhau, anh H1 thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị H, anh H1 ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu. Vợ chồng chị H, anh H1 có hai con chung, con chung Đặng Hoài L đã trưởng thành, có gia đình riêng, con chung Đặng Minh C đang học cấp 3 nên đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành vì chị H có công việc ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên Tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đặng Mạnh H1; giao con chung là Đặng Minh C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đặng Mạnh H1 phải cấp dưỡng cho con; chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên

tòa, giấy triệu tập anh H1 đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị H đề nghị không tiến hành hòa giải; Tại phiên tòa chị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Bị đơn- anh H1 đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai song vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Mạnh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn N, huyện N nơi sinh sống của anh H1 tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

[3]. Chị H khởi kiện xin ly hôn, anh H1 biết rõ việc chị H khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh H1 không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H song tại lời khai của chị H, biên bản xác minh ngày 26/5/2020 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, anh H1 thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không tu chí làm ăn. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chính anh H1 là người vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chị H. HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H ly hôn anh H1.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Chị H và anh H1 có hai con chung là Đặng Hoài L, sinh ngày 28/11/1997 và Đặng Minh C, sinh ngày 11/5/2004. Sau khi ly hôn, do con chung Đặng Hoài L đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không đề nghị giải quyết, chị đề nghị giao con chung Đặng Minh C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu C có nguyện vọng ở với chị H. Mặt khác, anh H1 vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là anh tự tước đi quyền của mình; Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao con chung Đặng Minh C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng cho con.

[5]. *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đặng Mạnh H1.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Minh C, sinh ngày 11/5/2004 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Đặng Mạnh H1 phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đặng Mạnh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009192, ngày 05 tháng 5 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang;
- Đường sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quý Long